

1. Để sử dụng flex cho tất cả các phần tử con nằm trong nó
 - display: flex;
 - display: inline-flex;
2. Thiết lập hướng cho nội dung (trục)
 - flex-direction: row;
 - flex-direction: row-reverse;
 - flex-direction: column;
 - flex-direction: column-reverse;
3. Wrap các phần tử nếu chúng không nằm vừa trên 1 hàng
 - flex-wrap: nowrap;
 - flex-wrap: wrap;
 - flex-wrap: wrap-reverse;
4. Điều chỉnh không gian (khoảng trống) giữa các phần tử trên trục chính.
 - justify-content: flex-start;
 - justify-content: flex-end;
 - justify-content: center;
 - justify-content: space-between;
 - justify-content: space-around;
 - justify-content: space-evenly;
5. Điều phối các phần tử theo chiều dọc.
 - align-items: flex-start;
 - align-items: flex-end;
 - align-items: center;
 - align-items: baseline;
 - align-items: stretch;
6. Điều chỉnh khoảng trống giữa các hàng điều kiện phải nhiều hơn một dòng nội dung, sử dụng flex-wrap.
 - align-content: flex-start;
 - align-content: flex-end;
 - align-content: center;
 - align-content: space-between;
 - align-content: space-around;
 - align-content: stretch;

=====Các thuộc tính sử dụng cho các phần tử con nằm bên trong.=====

1. Thiết lập thứ tự các phần tử.
 - order: integer
2. Xác định kích thước của 1 phần tử so với tổng thể của đối tượng cha. (thằng này nó sẽ đơi tất cả phần tử được load lên và coi có mấy phần được chia). flex-grow: 1; // app dụng cho tất cả các phần tử
 - div:nth-of-type(1) {flex-grow: 1;}
 - div:nth-of-type(2) {flex-grow: 1;}
 - div:nth-of-type(3) {flex-grow: 1;}
 - div:nth-of-type(4) {flex-grow: 1;}
3. Xác định kích thước của một phần tử trước khi các khoảng trống còn lại được sử dụng (dành luôn 1 kích thước để ra trước ví dụ như 100px hay 200px)
 - flex-basis: 50%;
 - flex-basis: 100px;
4. Sử dụng khi muốn thu nhỏ phần tử đó so với những phần tử còn lại
 - flex-shrink: 3